

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022
nguồn vốn ngân sách huyện**

UBND HUYỆN AN PHÚ	
ĐẾN	Số: 460
	Ngày: 28-12-2021
	Chuyên:
	Lưu HS số:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân huyện về Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022
nguồn vốn ngân sách huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND và
ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua nội dung về Phương án phân bổ kế hoạch vốn
đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2022:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 là: **34.812** triệu đồng, trong đó :

- + Vốn đầu tư tập trung: 29.812 triệu đồng (bằng chỉ tiêu tỉnh giao).
- + Vốn thu tiền sử dụng đất: 5.000 triệu đồng (tăng 2.000 triệu đồng so với
chỉ tiêu tỉnh giao là 3.000 triệu đồng. Nguyên nhân tăng nguồn vốn thu tiền sử đất
do dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất của huyện trong năm 2022 là 5.000 triệu
đồng).

2. Nguyên tắc bố trí vốn :

Bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ
vốn;
- Đối ứng nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương (Các Chương
trình MTQG, vốn ODA và vay ưu đãi);
- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Dự án khởi công mới năm 2021 có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định (có văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền).

3. Phương án phân bổ vốn năm 2022:

STT	Cơ cấu ngành - lĩnh vực đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí (triệu đồng)	Cơ cấu phân bổ theo lĩnh vực thực hiện đầu tư (%)	Ghi chú
1	2	4	5	6
	TỔNG CỘNG	34.812		
A	Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ	500		<i>10% SDD</i>
B	Chi đầu tư phát triển	34.312		
I	Thực hiện đầu tư	34.012	100,00	
1	Phúc lợi - Xã hội	9.015	26,51	
2	Giao thông	4.100	12,05	
3	Khoa học và công nghệ	1.000	2,94	
4	Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề	6.565	19,30	
5	Văn hóa - Thể thao	2.505	7,37	
6	Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể	4.482	13,18	
7	Quốc phòng - An ninh	6.345	18,66	
II	Công nợ sau quyết toán	300	0,88	

(Đính kèm biểu phụ lục phân bổ chi tiết)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này.

Giao Thường trực, các Ban HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện An Phú Khoá VII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Sở Giao thông - Vận tải;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể huyện;
- VP.Huyện ủy, HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Đính kèm Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

Đvt: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022			Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG					409,002	21,437	102,710	87,318	15,392	34,812	29,812	5,000	
A	CHI ĐO ĐẠC, CẤP GCN QSDĐ:					2,500		2,500		2,500	500		500	
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:					406,502	21,437	100,210	87,318	12,892	34,312	29,812	4,500	
I	Thực hiện đầu tư					406,502	21,437	98,710	85,818	12,892	34,012	29,512	4,500	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021					-	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					29,597	18,337	17,652	12,652	5,000	9,315	7,860	1,455	
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					97,007	3,100	7,326	6,726	600	2,980	2,380	600	
	4. Các dự án khởi công mới năm 2022					279,898	-	73,732	66,440	7,292	21,717	19,272	2,445	
I	Phúc lợi - xã hội					26,647	17,487	16,502	11,502	5,000	9,015	7,560	1,455	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021						-	-	-	-	-	-	-	
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					25,747	17,487	15,602	10,602	5,000	8,115	6,660	1,455	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng và trung tâm thương mại Long Bình	TT Long Bình		2020-2022	2158/QĐ-UBND 18/10/19, 929/QĐ-UBND ngày 04/6/2020	25,000	17,087	14,879	9,879	5,000	7,792	6,337	1,455	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
2	Xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư xã Phước Hưng	Phước Hưng	1500m2	2021-2022	2517/QĐ-UBND 28/9/2020; 1000/QĐ-UBND 12/5/2021	747	400	723	723		323	323		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					-	-	-	-	-	-	-	-	
	4. Các dự án khởi công mới năm 2022					900	-	900	900	-	900	900	-	

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022			Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD	
1	Sửa chữa hàng rào, làm lối đi chính và bậc thang nhà bia Liệt sĩ huyện An Phú	TT. An Phú	HR. 250m, lối đi 320m, 2 bậc thang hai bên nhà bia	2022		900	-	900	900	-	900	900	-	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
2	Giao thông					53,475	-	25,562	25,562	-	4,100	4,100	-	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021						-	-	-	-	-	-	-	
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					2,900	-	1,100	1,100	-	1,100	1,100	-	
1	Đường nông thôn ven bãi Phước Thọ	Đa Phước	805m	2021-2022	2466/QĐ-UBND, 18/9/2020	2,900		1,100	1,100	-	1,100	1,100		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					-	-	-	-	-	-	-	-	
	4. Các dự án khởi công mới năm 2022					50,575	-	24,462	24,462	-	3,000	3,000	-	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
1	Cầu Hiệp Lợi	Phú Hữu	79,15m	2022-2024	2543/QĐ-UBND 28/10/2021	10,603		4,812	4,812	-	1,000	1,000		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
2	Cầu An Phú - Vĩnh Trường	TT. An Phú - Vĩnh Trường	160m	2022-2025		39,972		19,650	19,650	-	2,000	2,000		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
3	Khoa học, công nghệ					3,200	1,200	3,046	3,046	-	1,000	1,000	-	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021													
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					3,200	1,200	3,046	3,046	-	1,000	1,000	-	
1	Hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến	TT. AP	16 điểm cầu	2021-2023	2588/QĐ-UBND 05/10/2020	3,200	1,200	3,046	3,046	-	1,000	1,000		Văn phòng HĐND và UBND huyện
	4. Các dự án khởi công mới năm 2022					-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					284,133	1,900	32,446	24,554	7,892	6,565	3,520	3,045	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021													
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022						-	-	-	-	-	-	-	
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					93,807	1,900	4,280	3,680	600	1,980	1,380	600	
	Các công trình xã nông thôn mới (huyện đối ứng):													

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022			Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD	
1	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm chính (Phước Khánh)	Phước Hưng	XD mới: khối 6 p học, 1 GDTC, 1 GDNT, 1 nhà bếp, 1p H Trường, 1p PHT, 1VP, 1H Trường, 1p HCQT, 1p Nvien, 1p Y tế, 1 nhà BV, nxGV, 17 xi HS, 2 xi GV, CTNS, HTKT, Trang thiết bị, DT 3023m2	2021-2023	2184/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	30,409	600	1,000	1,000		400	400		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
2	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Thạnh)	Phước Hưng	XD mới: 02p học, nvs HS 6 xi, nvs GV, nxe GV, CTNS, HTKT, Thiết bị, mua đất 800m2	2021-2023	1808/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	5,156	300	480	480		180	180		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
3	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Hoà)	Phước Hưng	XD mới: 8 p học, khối phụ trợ, CT nước sạch, HTKT, Cải tạo NVS, TB	2021-2023	2183/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	14,487	400	1,000	400	600	600		600	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
4	Trường tiểu học Phước Hưng điểm chính (Phước Thạnh)	Phước Hưng	Khối HCQT, khối ph, khối hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, CT nước sạch, HTKT, Cải tạo 14ph, NVS, TB	2021-2023	2442/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	31,579	400	1,200	1,200		400	400		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
5	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Thạnh)	Phước Hưng	XD 04ph, khối phụ trợ, CT nước sạch, HTKT, Cải tạo 04ph, TB, DT 1774m2	2021-2023	3651/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	12,176	200	600	600		400	400		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
4. Các dự án khởi công mới năm 2022						190,326	-	28,166	20,874	7,292	4,585	2,140	2,445	
Các công trình xã nông thôn mới (huyện đối ứng):														

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022			Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD	
1	Trường THCS Phước Hưng	Phước Hưng	XD 12ph, khối HCQT, khối học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, CT nước sạch, HTKT, Cải tạo khối HCQT, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, TB, DT 13678m2	2023-2026		52,313		2,800	1,840	960	500		500	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
2	Trường tiểu học D Phú Hữu (điểm chính)	Phú Hữu	XD 14ph, CT phụ trợ, HTKT, TB, Cải tạo 09ph thành các phòng chức năng, DT 5621m2	2022-2024		18,238		3,228	894	2,334	500		500	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
3	Trường tiểu học và trung học cơ sở nội trú Khánh An	Khánh An	DT Khu đất xd 14.101m2	2022-2025		79,370		20,638	16,640	3,998	3,085	1,640	1,445	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
4	Trường tiểu học A Khánh An	Khánh An	XD 20ph, khối phòng chức năng, NVS, nhà xe gv, hs, công trình nước sạch, công HR, HTKT, TB, DT 7026m2	2022-2025		40,405		1,500	1,500		500	500		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
5	Văn hóa - Thể thao					14,809	-	4,475	4,475	-	2,505	2,505	-	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021							-	-	-	-	-	-	
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					14,809	-	4,475	4,475	-	2,505	2,505	-	
	4. Các dự án khởi công mới năm 2022													
1	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2022	Toàn huyện		2022	2506/QĐ-UBND; 24/9/2020	200		1,000	1,000		200	200		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022			Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD	
2	Trung Tâm văn hóa - thể thao xã Phước Hưng	Phước Hưng	DT 2950m2, Xây mới Hội trường văn hóa đa năng, các phòng chức năng, sân bóng đá mini, sân sinh hoạt cộng đồng, phòng vệ sinh, HTKT	2021-2023	2198/QĐ-UBND, ngày 23/9/2021	5,267		1,503	1,503	-	1,503	1,503		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
3	Cải tạo Chùa Phước Trường	Vĩnh Trường	Phục dựng chính điện 238m2, phục dựng nhà khách 90m2	2022-2023		5,439		1,170	1,170	-	500	500		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
4	Cải tạo Đình Vĩnh Thành	Vĩnh Trường	Cải tạo khối chính điện 278m2, nhà khách + nhà kho 197m2, 2 Miếu 2.3m2/miếu	2022-2023		3,903		802	802	-	302	302		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
6	Quản lý nhà nước					13,891	850	6,332	6,332	-	4,482	4,482	-	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021						-	-	-	-	-	-	-	
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					950	850	950	950	-	100	100	-	
1	XD văn phòng ấp An Thạnh	TT An Phú	72,65m2	2021-2022	2589/QĐ-UBND, 05/10/2020	950	850	950	950		100	100		UBND TT. An Phú
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022						-	-	-	-	-	-	-	
	4. Các dự án khởi công mới năm 2022					12,941	-	5,382	5,382	-	4,382	4,382	-	
1	Cải tạo Văn phòng ấp Phú Nghĩa	Phú Hội	40 m2	2022		200		200	200	-	200	200		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
2	Văn phòng ấp Phước Thọ	Đa Phước		2022		500		500	500	-	500	500		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
3	Xây dựng Văn phòng ấp Phước Hòa	Phước Hưng		2022		500		500	500	-	500	500		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
4	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Phước Hưng	Phước Hưng	DT 1694m2, Xây mới khối Đảng ủy, khối dân vận, Ban thông tin, SLMB, sân nền, Cải tạo, khối Ủy ban, khối một cửa, cổng, HR	2021-2023	1679/QĐ-UBND, 21/7/21	5,387		1,539	1,539	-	1,539	1,539		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022			Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD	
5	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Vĩnh Trường	Vĩnh Trường	DT 4520m2, Xây mới nhà xe, HTKT, cào tạo khối Ủy ban, khối dân văn, văn phòng một cửa, hàng rào hiện trạng	2021-2023	1771/QĐ-UBND; 29/7/21	5,154		1,443	1,443	-	1,443	1,443		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
6	Cải tạo, sửa chữa 6 văn phòng ấp xã Phú Hữu	Phú Hữu		2022-2025		1,200		1,200	1,200	-	200	200		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
7	Quốc phòng - An ninh					10,347	-	10,347	10,347	-	6,345	6,345	-	
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021						-	-	-	-	-	-	-	
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
	4. Các dự án khởi công mới năm 2022					10,347	-	10,347	10,347	-	6,345	6,345	-	
1	Xây dựng nhà kho + CSHT Ban chỉ huy quân sự huyện An Phú	TT. An Phú		2021-2025		1,218		1,218	1,218	-	1,218	1,218		Ban QLDA ĐT&XD KV huyện
2	Xây dựng đường dẫn, cổng hàng rào Ban chỉ huy quan sự xã Phước Hưng	Phước Hưng		2021-2025		1,100		1,100	1,100	-	1,100	1,100		
3	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Công an xã Khánh An	Khánh An		2022-2024		3,421		3,421	3,421		2,000	2,000		
4	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Công an xã Phú Hội	Phú Hội		2022-2024		4,608		4,608	4,608		2,027	2,027		
								1,500	1,500		300	300		Các Chủ đầu tư
II	Công nợ sau quyết toán													